



HAGL Group

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

**Báo cáo tài chính riêng
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)**

Quý IV năm 2013



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
Bảng cân đối kế toán riêng	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	5 - 6
Thuyết minh các báo cáo tài chính riêng	7 - 35

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2013

B01a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.929.438.746	9.489.203.945
110	I. Tiền		1.547.434.971	782.646.261
111	1. Tiền	4	1.547.434.971	782.646.261
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	81.783.240
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.848.304.103	7.775.903.721
131	1. Phải thu khách hàng	6	266.389.931	266.835.767
132	2. Trả trước cho người bán	7	174.358.988	107.568.998
135	3. Các khoản phải thu khác	8	4.407.555.184	7.402.120.175
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(621.219)
140	IV. Hàng tồn kho		430.469.806	646.499.720
141	1. Hàng tồn kho	9	430.469.806	646.499.720
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		21.446.626	202.371.003
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.353.890	56.837.147
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		9.327.311	37.860.498
154	3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước		919.928	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	7.845.497	107.673.358
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.797.842.830	10.772.593.790
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.684.245.813	-
218	1. Phải thu dài hạn khác	11	3.684.245.813	-
220	II. Tài sản cố định		631.071.831	640.604.526
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	345.055.354	345.739.629
222	Nguyên giá		440.944.357	429.242.966
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(95.889.003)	(83.503.337)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	93.971.227	94.672.684
228	Nguyên giá		96.605.812	97.119.811
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.634.585)	(2.447.127)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	192.045.250	200.192.213
240	III. Bất động sản đầu tư		14.751.160	-
241	Nguyên giá		15.001.180	-
242	Giá trị hao mòn lũy kế		(250.020)	-
250	IV. Các khoản đầu tư dài hạn		10.434.320.880	9.994.731.350
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	10.064.072.560	9.697.066.228
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	5.000.000	12.500.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	16	365.248.320	285.165.122
260	V. Tài sản dài hạn khác		33.453.146	137.257.914
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	32.985.586	136.460.631
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	-	329.723
268	3. Tài sản dài hạn khác		467.560	467.560
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		21.727.281.576	20.261.797.735


Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2013


B01a-DN

Ngàn VNĐ


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		10.210.923.764	10.975.961.313
310	I. Nợ ngắn hạn		5.340.419.457	3.982.833.741
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	2.531.117.421	1.079.799.184
312	2. Phải trả người bán	19	45.314.464	207.047.462
313	3. Người mua trả tiền trước	20	539.864.629	289.313.258
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	36.678.722	38.671.150
315	5. Phải trả người lao động		6.689.661	6.663.713
316	6. Chi phí phải trả	22	213.643.140	367.970.286
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	23	1.915.062.192	1.939.686.048
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		52.049.228	53.682.640
330	II. Nợ dài hạn		4.870.504.307	6.993.127.572
333	1. Phải trả dài hạn khác		7.890.919	7.592.007
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	4.862.613.388	6.985.535.565
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		11.516.357.812	9.285.836.422
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	11.516.357.812	9.285.836.422
411	1. Vốn cổ phần		7.181.546.930	5.373.710.490
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.544.438.784	2.880.972.568
417	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		230.027.423	223.672.692
420	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		551.721.938	798.857.935
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		21.727.281.576	20.261.797.735


Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 12 tháng 2 năm 2014


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Quý IV năm 2013

B02a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	327.417.004	433.207.485	1.125.858.595	2.086.907.528
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(389.119)	(93.050)	(769.951)	(450.789)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	327.027.885	433.114.435	1.125.088.644	2.086.456.739
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(274.285.211)	(378.461.793)	(948.770.904)	(1.874.030.965)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		52.742.674	54.652.642	176.317.740	212.425.774
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	325.860.248	305.450.640	1.245.023.537	1.143.437.243
22	7. Chi phí tài chính	28	(289.350.158)	(294.210.603)	(1.073.368.494)	(1.037.405.939)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(283.025.890)	(273.419.648)	(1.010.766.716)	(972.411.700)
24	8. Chi phí bán hàng		(14.145.331)	(15.776.612)	(58.390.346)	(57.092.150)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(29.783.748)	(26.435.477)	(93.392.847)	(86.503.529)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		45.323.685	23.680.590	196.189.590	174.861.399
31	11. Thu nhập khác	29	1.290.759	745.256	21.849.099	8.369.184
32	12. Chi phí khác	29	(6.429.461)	(3.378.667)	(46.807.133)	(49.045.340)
40	13. Lỗ khác	29	(5.138.702)	(2.633.411)	(24.958.034)	(40.676.156)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B02a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		40.184.983	21.047.179	171.231.556	134.185.243
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(11.803.934)	(6.153.232)	(43.807.221)	(58.299.405)
52	16. (Chi phí) lợi ích thuế TNDN hoãn lại	30	-	(537.891)	(329.723)	329.723
60	17. Lợi nhuận thuần trong kỳ		28.381.049	14.356.056	127.094.612	76.215.561


Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập

Ngày 12 tháng 2 năm 2014


Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
Quý IV năm 2013

B03a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		171.231.556	134.185.243
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	12,13	23.239.823	22.521.583
03	Các khoản dự phòng		(621.219)	621.219
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái		(2.444.761)	(805.337)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.229.019.846)	(1.136.844.992)
06	Chi phí lãi vay	28	1.010.766.716	972.411.700
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(26.847.731)	(7.910.584)
09	Giảm các khoản phải thu		467.303.715	629.485.682
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		201.028.734	(110.950.686)
11	Giảm các khoản phải trả		(18.094.029)	(392.205.176)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		52.943.238	(42.392.602)
13	Tiền lãi vay đã trả		(1.085.555.738)	(799.961.194)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.111.714)	(187.093.044)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	1.145.540
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.859.359)	(16.917.452)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(427.192.884)	(926.799.516)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(20.739.465)	(101.931.687)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		5.382.657	6.459.593
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(2.312.252.960)	(2.448.216.558)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		964.220.335	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(2.265.368.180)	(904.322.702)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		3.063.652.250	122.025.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		208.782.949	892.707.238
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(356.322.414)	(2.433.279.116)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B03a-DN

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		1.052.599.770	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		4.930.949.968	4.773.480.703
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.076.168.384)	(2.965.735.147)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(359.077.347)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.548.304.008	1.807.745.556
50	Tăng (giảm) tiền thuần trong kỳ		764.788.710	(1.552.333.076)
60	Tiền đầu kỳ		782.646.261	2.334.979.337
70	Tiền cuối kỳ	4	1.547.434.971	782.646.261



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2014

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Quý IV năm 2013

B09a-DN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi hai (22) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 10 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 11 công ty con và 2 công ty liên kết) như được trình bày trong Thuyết minh số 15 của các báo cáo tài chính riêng. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 28 công ty con cấp bên dưới, trong đó, 2 công ty con đã được quyết định thanh lý.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng và kinh doanh cao su, mía đường và cọ dầu, và các loại cây trồng khác; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") và được lập theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính riêng quý IV năm 2013 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán

Các báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên vật liệu và hàng hóa | - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

3.4 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

3.7 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cây và chi phí triển khai phần mềm tin học của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Vườn cây cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, điền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Chi phí triển khai phần mềm tin học

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc triển khai phần mềm tin học như chi phí bản quyền phần mềm, chi phí cài đặt và chi phí đào tạo.

3.9 *Tài sản thuê*

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và chủ yếu là chi phí liên quan phát hành trái phiếu, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế trừ đi dự phòng. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị hợp lý tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 42 của Bộ luật Lao động.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.16 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

▶ Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ được trích lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v.

▶ Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

4. TIỀN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tiền gửi ngân hàng	1.546.712.424	780.985.450
Tiền mặt tại quỹ	711.344	1.587.335
Tiền đang chuyển	11.203	73.476
Tổng cộng	<u>1.547.434.971</u>	<u>782.646.261</u>

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo tài chính riêng này.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	101.183.873	149.481.784
Phải thu tiền bán căn hộ	90.142.282	87.355.528
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	75.063.776	29.998.455
Tổng cộng	<u>266.389.931</u>	<u>266.835.767</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	131.871.027	86.453.704
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	42.487.961	21.115.294
Tổng cộng	<u>174.358.988</u>	<u>107.568.998</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	2.834.606.378	6.624.027.708
Cho vay ngắn hạn các công ty	929.978.703	583.716.823
Cho các công ty khác mượn	325.694.631	118.269.668
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	250.000.000	15.979.275
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	4.062.480	15.794.000
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	35.043.890	5.331.088
Các khoản khác	28.169.102	39.001.613
Tổng cộng	4.407.555.184	7.402.120.175

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	360.052.776	494.578.112
Thành phẩm	11.219.900	16.387.335
Hàng hóa	23.154.428	60.827.370
Sản phẩm dở dang	29.632.387	65.714.682
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	10.949.406	61.683.174
<i>Sản xuất</i>	18.508.408	3.969.225
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	174.573	62.283
Nguyên vật liệu	651.854	578.765
Vật liệu xây dựng	4.952.734	7.216.926
Công cụ, dụng cụ	805.727	1.196.530
Tổng cộng	430.469.806	646.499.720

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Tạm ứng cho nhân viên	7.795.377	107.361.197
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	262.041
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
Tổng cộng	7.845.497	107.673.358

11. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

Đây là khoản cho vay Công ty CP Đầu tư Bất động sản An Phú với lãi suất 13%/năm.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Ngàn VNĐ
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	312.353.074	43.907.356	56.567.388	7.025.413	6.698.345	2.691.390	429.242.966
Tăng trong kỳ	12.971.507	15.072.457	144.303	798.354	11.096	238.061	29.235.778
Thanh lý trong kỳ	(2.522.750)	(676.662)	(728.245)	(1.302.839)	-	(334.587)	(5.565.083)
Điều chỉnh lại	(2.057.321)	4.402.292	(7.893.740)	554.080	-	(802.121)	(5.796.810)
Điều chỉnh theo Thông tư 45-BTC	(421.356)	(2.122.457)	(241.363)	(3.148.307)	(39.069)	(199.942)	(6.172.494)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	320.323.154	60.582.986	47.848.343	3.926.701	6.670.372	1.592.801	440.944.357
Khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	(41.225.456)	(16.190.589)	(19.276.146)	(3.511.352)	(2.052.992)	(1.246.802)	(83.503.337)
Tăng trong kỳ	(9.671.276)	(5.840.923)	(5.241.484)	(812.593)	(960.804)	(194.481)	(22.721.561)
Thanh lý trong kỳ	314.501	340.555	180.813	779.844	-	334.587	1.950.300
Điều chỉnh lại	(290.258)	401.475	5.411.371	33.764	139.132	-	5.695.484
Điều chỉnh theo Thông tư 45-BTC	160.428	996.923	47.862	1.283.510	22.158	179.230	2.690.111
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	(50.712.061)	(20.292.559)	(18.877.584)	(2.226.827)	(2.852.506)	(927.466)	(95.889.003)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	271.127.618	27.716.767	37.291.242	3.514.061	4.645.353	1.444.588	345.739.629
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	269.611.093	40.290.427	28.970.759	1.699.874	3.817.866	665.335	345.055.354

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	91.690.405	5.429.406	97.119.811
Tăng trong kỳ	-	21.490	21.490
Thanh lý trong kỳ	-	(370.840)	(370.840)
Điều chỉnh theo Thông tư 45-BTC	-	(164.649)	(164.649)
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	91.690.405	4.915.407	96.605.812
Khấu hao lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	-	(2.447.127)	(2.447.127)
Tăng trong kỳ	-	(639.082)	(639.082)
Thanh lý trong kỳ	-	370.840	370.840
Điều chỉnh theo Thông tư 45-BTC	-	80.784	80.784
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	(2.634.585)	(2.634.585)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2012	91.690.405	2.982.279	94.672.684
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	91.690.405	2.280.822	93.971.227

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	129.916.503	121.929.088
Nhà xưởng và vật kiến trúc	30.715.685	41.379.565
Chi phí trồng cây cao su	23.389.781	23.377.781
Các công trình xây dựng khác	8.023.281	13.505.779
Tổng cộng	192.045.250	200.192.213

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

15.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Chi tiết về các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Các Tổng Công ty con quản lý ngành						
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp	Đang hoạt động	92,14	3.830.831.000	91,17	3.331.783.464
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	98,19	3.253.537.647	99,41	3.294.129.247
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	92,68	1.531.579.575	92,63	1.527.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	99,78	1.241.736.052	99,78	1.241.736.052
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất	Đang hoạt động	-	-	78,94	100.986.248
Xây dựng, kinh doanh và dịch vụ						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	94.740.417
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Khách sạn và Bất động sản Hoàng Anh Gia Lai	Dịch vụ	Đang hoạt động	94,50	977.486	94,50	280.000
Tổng cộng				10.064.072.560		9.697.066.228

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	-	-	25,00	7.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Tư vấn, thiết kế	25,00	5.000.000	25,00	5.000.000
Tổng cộng			5.000.000		12.500.000

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Cho Chính phủ Lào vay - dự án làng SEA Games (i)	104.561.755	186.471.568
Cho Chính phủ Lào vay - dự án sân bay Attapeu (ii)	116.721.613	-
Chi phí đất đai để phát triển Dự án Hải Châu	81.183.513	81.183.513
Đầu tư vào cổ phiếu thường	62.781.439	17.360.041
Các khoản đầu tư khác	-	150.000
Tổng cộng	365.248.320	285.165.122

- (i) Khoản cho Chính phủ Lào vay - dự án làng SEA Games thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ
	Năm 2013
Số nợ gốc đầu năm	8.958.949
Được hoàn trả tiền trong kỳ	(4.000.000)
Số dư nợ gốc cuối kỳ	4.958.949
Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)	104.561.755

- (ii) Khoản cho Chính phủ Lào vay - dự án sân bay Attapeu thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ
	Năm 2013
Số dư đầu năm	136.460.631
Tăng trong kỳ	17.320.036
	153.780.667
Chi phí phân bổ trong kỳ	(48.995.041)
Điều chỉnh chi phí phát hành của trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu	(74.089.398)
Điều chỉnh sang tài khoản khác	2.289.358
Số dư cuối kỳ	32.985.586

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Vay ngắn hạn ngân hàng	836.105.239	439.957.713
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	1.100.000.000	-
Nợ vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 24)	595.012.182	639.841.471
Tổng cộng	2.531.117.421	1.079.799.184

19. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	43.703.351	165.303.247
Phải trả nhà thầu xây dựng	1.611.113	39.843.110
Phải trả người bán máy móc thiết bị	-	1.901.105
Tổng cộng	45.314.464	207.047.462

20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Khách hàng thương mại trả tiền trước	444.706.803	203.936.821
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	95.157.826	85.376.437
Tổng cộng	539.864.629	289.313.258

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.091.960	36.707.117
Thuế thu nhập cá nhân	935.842	1.080.516
Thuế giá trị gia tăng	629.442	479.545
Các khoản phải nộp khác	21.478	403.972
Tổng cộng	36.678.722	38.671.150

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Chi phí lãi vay	206.652.420	359.057.566
Các khoản khác	6.990.720	8.912.720
Tổng cộng	213.643.140	367.970.286

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Phải trả các công ty con (<i>Thuyết minh số 31</i>)	1.880.917.065	1.907.735.410
Các khoản khác	34.145.127	31.950.638
Tổng cộng	1.915.062.192	1.939.686.048

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Trái phiếu thường trong nước	4.146.073.000	3.580.000.000
Trái phiếu hoán đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	1.130.000.000	1.130.000.000
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho Northbrooks Investment (Mauritius) Pte Ltd	-	1.100.000.000
Trái phiếu thường quốc tế	-	1.520.711.335
Vay dài hạn ngân hàng	181.552.570	294.665.701
Tổng cộng	5.457.625.570	7.625.377.036
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay ngân hàng và trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm (Thuyết minh số 18)</i>	<i>595.012.182</i>	<i>639.841.471</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>4.862.613.388</i>	<i>6.985.535.565</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	223.672.692	798.857.935	9.285.836.422
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	127.094.612	127.094.612
Chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông hiện hữu	-	-	-	-	(359.077.347)	(359.077.347)
Phát hành cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu	1.074.742.100	(22.142.330)	-	-	-	1.052.599.770
Phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi trái phiếu quốc tế	733.094.340	685.608.546	-	-	-	1.418.702.886
Trích lập các quỹ	-	-	-	6.354.731	(10.167.570)	(3.812.839)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Thư ký	-	-	-	-	(4.985.693)	(4.985.693)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	230.027.423	551.721.938	11.516.357.812

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	718.154.693	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>718.154.693</i>	<i>537.371.049</i>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	718.154.693	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>718.154.693</i>	<i>537.371.049</i>
Cổ phiếu đang lưu hành	718.154.693	537.371.049
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>718.154.693</i>	<i>537.371.049</i>



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

26. DOANH THU	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Ngàn VNĐ
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ					
Doanh thu gộp	327.417.004	433.207.485	1.125.858.595	2.086.907.528	
Trong đó:					
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	210.610.081	231.579.518	670.616.223	1.601.505.627	
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	55.414.086	89.951.530	182.537.118	264.341.929	
Doanh thu căn hộ	45.772.680	80.482.412	202.413.175	143.060.801	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.620.157	31.194.025	70.292.079	77.999.171	
Các khoản giảm trừ doanh thu	(389.119)	(93.050)	(769.951)	(450.789)	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(66.459)	(93.050)	(413.120)	(400.671)	
Thuế xuất khẩu	-	-	-	(50.118)	
Hàng bán bị trả lại	(322.660)	-	(356.831)	-	
Doanh thu thuần	327.027.885	433.114.435	1.125.088.644	2.086.456.739	
Trong đó:					
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	210.287.421	231.579.518	670.259.392	1.601.455.509	
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	55.414.086	89.951.530	182.537.118	264.341.929	
Doanh thu căn hộ	45.772.680	80.482.412	202.413.175	143.060.801	
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.553.698	31.100.975	69.878.959	77.598.500	

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV			Ngàn VND		
	Năm nay		Năm trước	Năm nay		Năm trước
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước	
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	-	14.796.160	512.737.500	31.983.725		
Lãi cho vay các công ty con	290.089.898	274.696.175	599.778.329	963.821.939		
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.668.604	15.958.305	74.334.738	141.350.171		
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.929.267	-	7.610.917	4.289.808		
Cổ tức nhận được	10.022.304	-	49.301.878	1.991.600		
Các khoản khác	1.150.175	-	1.260.175	-		
Tổng cộng	325.860.248	305.450.640	1.245.023.537	1.143.437.243		

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Quý IV			Ngàn VND		
	Năm nay		Năm trước	Năm nay		Năm trước
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước	
Giá vốn sản phẩm, hàng hoá	173.957.501	211.810.919	564.359.846	1.458.375.843		
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	49.861.685	84.356.812	163.361.908	253.828.778		
Giá vốn căn hộ	36.981.167	57.556.781	162.803.443	105.507.214		
Giá vốn dịch vụ cung cấp	13.484.858	24.737.281	58.245.707	56.319.130		
Tổng cộng	274.285.211	378.461.793	948.770.904	1.874.030.965		

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý IV			Ngàn VNĐ		
	Năm nay		Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước	Năm trước
Chi phí lãi vay	283.025.890	273.419.648	1.010.766.716	972.411.700	972.411.700	972.411.700
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	155.585	-	5.470.354	7.659.037	7.659.037	7.659.037
Các khoản khác	6.168.683	20.790.955	57.131.424	57.335.202	57.335.202	57.335.202
Tổng cộng	289.350.158	294.210.603	1.073.368.494	1.037.405.939	1.037.405.939	1.037.405.939

29. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Quý IV			Ngàn VNĐ		
	Năm nay		Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước	Năm trước
Thu nhập khác	1.290.759	745.256	21.849.099	8.369.184	8.369.184	8.369.184
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	165.000	-	5.382.657	6.459.593	6.459.593	6.459.593
Các khoản khác	1.125.759	745.256	16.466.442	1.909.591	1.909.591	1.909.591
Chi phí khác	(6.429.461)	(3.378.667)	(46.807.133)	(49.045.340)	(49.045.340)	(49.045.340)
Các khoản phạt	(3.292.389)	-	(19.522.610)	(37.181.343)	(37.181.343)	(37.181.343)
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(170.313)	(1.089.524)	(5.372.188)	(8.273.088)	(8.273.088)	(8.273.088)
Các khoản khác	(2.966.759)	(2.289.143)	(21.912.335)	(3.590.909)	(3.590.909)	(3.590.909)
Lỗ thuần	(5.138.702)	(2.633.411)	(24.958.034)	(40.676.156)	(40.676.156)	(40.676.156)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong kỳ bao gồm:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm 2013</i>	<i>Năm 2012</i>
Thuế TNDN hiện hành	55.405.526	46.998.417
Điều chỉnh thuế TNDN trích (thừa) thiếu các năm trước	<u>(11.598.305)</u>	<u>11.300.988</u>
	43.807.221	58.299.405
Chi phí (lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	<u>329.723</u>	<u>(329.723)</u>
TỔNG CỘNG	<u>44.136.944</u>	<u>57.969.682</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Năm 2013</i>	<i>Năm 2012</i>
Lợi nhuận trước thuế	171.231.556	134.185.243
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán		
Các khoản phạt	19.522.610	37.181.343
Các chi phí không được khấu trừ	81.488.703	17.299.789
Lợi nhuận chưa thực hiện	(1.318.891)	1.318.891
Thu nhập cổ tức	(49.301.878)	(1.991.600)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	221.622.100	187.993.666
Chi phí thuế TNDN ước tính	55.405.526	46.998.417
Trích (thừa) thiếu chi phí thuế TNDN trong các kỳ trước	(11.598.305)	11.300.988
Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ	43.807.221	58.299.405
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	36.707.117	190.509.238
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(10.111.714)	(187.093.044)
Thuế TNDN phải trả cần trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	(35.310.664)	(25.008.482)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	35.091.960	36.707.117

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	Bảng cân đối kế toán riêng		(Chi phí) thu nhập ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
	Ngàn VNĐ			
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	329.723	(329.723)	329.723
TỔNG CỘNG	-	329.723	(329.723)	329.723

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
			Ngàn VNĐ
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	72.471.051
		Bán hàng hóa và dịch vụ	2.259.621
		Doanh thu xây dựng	954.591
		Doanh thu khác	3.802.425
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	44.922.488
		Doanh thu xây dựng	55.642
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	52.723.572
		Lãi cho vay	34.976.732
		Doanh thu xây dựng	22.768.068
		Thanh lý tài sản cố định	225.477
		Doanh thu khác	5.628.494
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	7.360.239
		Doanh thu xây dựng	5.991.638
Công ty Cổ phần Tân Đại Thắng Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa	1.001.502
Công ty Cổ phần Cao su Ban Mê	Công ty con	Bán hàng hóa	1.488.118
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	232.326.277
		Doanh thu xây dựng	66.400.225
		Doanh thu khác	6.621.169
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	13.195.091

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ
			Số tiền
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	46.145
Công ty TNHH CRD	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	4.328.324
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	47.612.292
		Cung cấp dịch vụ	9.175
		Doanh thu khác	103.200
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	110.225.912
		Doanh thu xây dựng	7.112.993
		Thanh lý tài sản cố định	457.281
		Doanh thu khác	317.544
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	42.022.367
		Lãi vay	492.089
		Bán hàng hóa và dịch vụ	2.388.269
		Doanh thu xây dựng	364.345
		Thanh lý tài sản cố định	4.483.336
		Doanh thu khác	34.400
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	104.817.685
		Doanh thu xây dựng	3.890.421
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	124.622.806
		Bán hàng hóa và dịch vụ	533.470
		Doanh thu xây dựng	22.974
		Doanh thu khác	1.751.421
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu xây dựng	31.995.310
		Bán hàng hóa	13.524.434
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi cho vay	102.892.778
		Mua dịch vụ	1.658.364
		Cung cấp dịch vụ	10.839
		Doanh thu khác	1.210.400
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay	205.333
		Doanh thu khác	672.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa	7.397.703
		Doanh thu khác	40.049
		Doanh thu xây dựng	201.570
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai – Kontum	Công ty con	Bán hàng hóa	12.286.346
		Mua hàng hoá	97.754

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty TNHH Khoáng sản Hoàng Anh Xêkông	Công ty con	Bán hàng hóa	172.977
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hoá và dịch vụ	13.031.795
		Bán hàng hóa và dịch vụ	1.073.531
		Doanh thu xây dựng	190.561
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua dịch vụ	1.701.412
		Cung cấp dịch vụ	55.736
		Doanh thu xây dựng	140.135
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi cho vay	1.165.720
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Công ty con	Thuê thi công hợp đồng xây dựng	28.304.274
		Cổ tức được chia	3.871.000
		Cung cấp dịch vụ	7.116

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Phải thu khách hàng

Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	545.720
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	8.311.079
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hoá	9.713.857
		Phải thu hợp đồng xây dựng	48.514.854
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	1.335.252
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	20.679.398
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	13.773.008
		Phải thu hợp đồng xây dựng	6.678.576
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hoá và dịch vụ	2.731.374
Công ty TNHH TM DV Trúc Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hoá và dịch vụ	4.173.740
Cty Cổ phần Xây dựng Huynh Đệ	Bên liên quan	Các khoản khác	202.042
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.608.837
Tổng cộng			<u>119.267.737</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ
			Số tiền
Trả trước cho người bán			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền dịch vụ	<u>61.946.520</u>
Các khoản phải thu khác			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	939.813.526
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	177.476.480
Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh - Quang Minh - Chi nhánh gỗ	Công ty con	Cho mượn tạm	18.791.500
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	374.760.211
		Phải thu do chi hộ	87.500
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Cho mượn tạm	5.350.000
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	18.740.325
		Phải thu do chi hộ	257.994
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	367.140.494
		Phải thu do chi hộ	113.520
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	1.936.686
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	103.750.763
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	719.000.000
		Phải thu do chi hộ	585.574
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí trả hộ	50.923.191

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Các khoản phải thu khác (tiếp theo)			
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	25.125.417
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho vay ngắn hạn và tiền lãi	29.864.209
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	888.988
Tổng cộng			<u>2.834.606.378</u>
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	808.520
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	21.706.638
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.576.168
Tổng cộng			<u>24.091.326</u>
Người mua trả tiền trước			
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Nhận ứng trước tiền xây dựng	105.780.346
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	69.542.762
Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	11.030.326
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	17.349.973
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	37.695.369
		Nhận ứng trước tiền xây dựng	4.788.732
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	51.124.663
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	34.338.545
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	93.188.871
Công ty TNHH MTV Xây lắp Điện	Công ty con	Nhận trước tiền mua hàng hóa	12.621.498
Tổng cộng			<u>437.461.085</u>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Quý IV năm 2013

B09a-DN

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau (tiếp theo):

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ
			Số tiền
Các khoản phải trả khác			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	1.243.001.567
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	401.551.844
		Lãi vay	64.633.536
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Công ty con	Mượn tiền	70.142.380
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai - Kontum	Công ty con	Mượn tiền	91.235.403
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	6.093.450
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	450.519
Tổng cộng			<u>1.880.917.065</u>

32. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay trình bày trong các báo cáo tài chính riêng này.



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên
Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 2 năm 2014